

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Vùng kinh tế phát triển nhất Liên bang Nga là

- A. vùng Trung ương. B. vùng Viễn Đông.
C. vùng Trung tâm đất đen. D. vùng U-ran.

Câu 2. Phần lớn lãnh thổ Nhật Bản nằm trong đới khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. cận cực.

Câu 3. Dân cư Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố đều giữa các đảo. B. Mật độ dân số rất thấp.
C. Tốc độ tăng dân số nhanh. D. Tuổi thọ trung bình cao.

Câu 4. Nhật Bản có điều kiện thuận lợi nào sau đây để xây dựng các cảng biển?

- A. Bờ biển nhiều vũng vịnh. B. Nhiều ngư trường lớn.
C. Sinh vật biển phong phú. D. Có nhiều bãi biển đẹp.

Câu 5. Trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, ngành nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất?

- A. Công nghiệp. B. Dịch vụ. C. Thủy sản. D. Nông nghiệp.

Câu 6. Ngành nông nghiệp Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chỉ sản xuất sản phẩm nhiệt đới. B. Sản xuất theo hướng thâm canh.
C. Sản phẩm chỉ phục vụ xuất khẩu. D. Năng suất cây trồng, vật nuôi thấp.

Câu 7. Công nghiệp Nhật Bản **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Công nghệ còn lạc hậu. B. Đóng vai trò quan trọng.
C. Cơ cấu ngành đa dạng. D. Có nhiều trung tâm lớn.

Câu 8. Dân cư Trung Quốc phân bố tập trung chủ yếu ở

- A. khu vực phía đông. B. khu vực biên giới.
C. sơn nguyên, bồn địa. D. vùng núi phía tây.

Câu 9. Miền Đông Trung Quốc là nơi

- A. có nhiều hoang mạc. B. rừng tự nhiên rất ít.
C. có khí hậu gió mùa. D. nghèo khoáng sản.

Câu 10. Nhận định nào sau đây đúng về sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc?

- A. Cơ cấu cây trồng kém đa dạng. B. Sản phẩm chỉ phục vụ xuất khẩu.
C. Trồng trọt là ngành chủ yếu. D. Sản lượng lương thực rất thấp.

Câu 11. Công nghiệp của Trung Quốc hiện nay

- A. phân bố chủ yếu ở khu vực phía tây. B. tăng các sản phẩm có chất lượng thấp.
C. giảm ngành ứng dụng công nghệ cao. D. chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

| Năm | 2000 | 2010 | 2020 |
|-----------|-------|--------|--------|
| Xuất khẩu | 253,1 | 1602,5 | 2723,3 |
| Nhập khẩu | 224,3 | 1380,1 | 2357,1 |

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc giai đoạn 2000 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Tròn. D. Cột.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

Phân tích ảnh hưởng của địa hình và đất đai đối với phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc.

Câu 2 (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI CỦA NHẬT BẢN NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: %)

| Tuổi | Năm 2000 | Năm 2020 |
|--------------------|----------|----------|
| Dưới 15 tuổi | 14,6 | 12,0 |
| Từ 15 đến 64 tuổi | 68,0 | 59,0 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 17,4 | 29,0 |

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản năm 2000 và năm 2020.
- Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua các năm trên.

===== Hết =====

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

| | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | A | C | D | A | B | B | A | A | C | C | D | D |

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

| Câu | Nội dung | Điểm |
|---|---|-------------------|
| Câu 1. (3,0 điểm). Phân tích ảnh hưởng của địa hình và đất đai với phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc. | | |
| | - Địa hình rất đa dạng, lấy kinh tuyến 105 ⁰ Đ làm ranh giới có thể chia thành hai miền địa hình khác nhau. - Miền Đông: địa hình chủ yếu là đồng bằng rộng có đất phù sa màu mỡ và đồi núi thấp -> thuận lợi phát triển nông nghiệp, tập trung dân cư. - Miền Tây: nhiều dãy núi cao đồ sộ, các sơn nguyên, cao nguyên, bồn địa... địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh, chủ yếu đất xám hoang mạc và bán hoang mạc, khô cằn, nghèo dinh dưỡng -> gây khó khăn cho sản xuất và cư trú; một số nơi có thể trồng rừng, trên các cao nguyên có đồng cỏ để chăn nuôi. <i>Lưu ý: Học sinh trình bày theo cách khác nhưng đảm bảo chính xác nội dung vẫn được điểm tối đa.</i> | 1,0 1,0 1,0 |
| Câu 2. (4,0 điểm) | | |
| | a. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản năm 2000 và năm 2020. - Vẽ biểu đồ tròn (các dạng khác không được điểm) - Vẽ chính xác, điền đúng và đầy đủ các thông tin (đơn vị, số liệu, tên biểu đồ, chú giải...), sai hoặc thiếu mỗi chi tiết nêu trên trừ 0,25/ chi tiết. | 3,0 |
| | b. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua các năm trên. - Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi và tỷ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi tỉ trọng giảm (dc) - Tỷ lệ từ 65 tuổi trở lên tăng (dc) | 0,5 0,5 |
| TỔNG ĐIỂM | | 7,0 |